

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

Dự án Luật Công nghiệp công nghệ số

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và kính báo cáo Chính phủ về dự án Luật Công nghiệp công nghệ số như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc hoàn thiện, xây dựng thể chế để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp CNTT, công nghiệp công nghệ số trong nước. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế về công nghiệp công nghệ số. Cụ thể như sau:

(i) Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định “*Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số*”.

(ii) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải pháp “*Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin*”.

(iii) Tại khoản 3 mục III Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ

Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định *“Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo; sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm.”*

Theo đó, Luật Công nghiệp công nghệ số cần được nghiên cứu, xây dựng để kịp thời bổ sung, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo thuận lợi, khuyến khích đủ mạnh để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số trở thành ngành công nghiệp nền tảng, góp phần đẩy mạnh công nghiệp, hiện đại hóa đất nước.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Giải quyết tồn tại, bất cập trong thi hành quy định về công nghiệp công nghệ thông tin trong Luật Công nghệ thông tin; đề xuất chính sách đột phá nhằm thúc đẩy phát triển đồng thời hạn chế những rủi ro nếu có trong các hoạt động công nghiệp công nghệ số

Quy định pháp luật về công nghiệp CNTT được ban hành hơn 17 năm qua, tại thời điểm ngành CNTT mới bắt đầu phát triển tại Việt Nam. Những quy định này chưa điều chỉnh được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn phát triển ngành công nghiệp CNTT, cụ thể:

- Chưa có khung pháp lý định hình khái niệm công nghệ số, công nghiệp công nghệ số. Công nghệ số đã cách mạng hóa hầu hết mọi khía cạnh trong cuộc sống, thay đổi cách chúng ta giao tiếp, làm việc, học tập, giải trí và truy cập thông tin. Công nghệ số giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và toàn cầu hóa, đồng thời cũng phát sinh những thách thức như khoảng cách số, mối lo ngại về quyền riêng tư và các mối đe dọa an ninh mạng. Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực. Công nghiệp công nghệ số là công nghiệp nền tảng, là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao, tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực. Đây là các công nghệ mới mang tính đột phá, tác nhân chính tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tạo ra Chuyển đổi số và kinh tế số, xuất hiện trong thời điểm mà Việt Nam đã độc lập, hoà bình, đã thoát nghèo, nên có điều kiện chủ động tham gia, tận dụng để bứt phá vươn lên.

- Dữ liệu số là tư liệu sản xuất đầu vào của ngành công nghiệp công nghệ

số, góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số... Tuy nhiên, còn khoảng trống các quy định pháp luật về phát triển dữ liệu số phục vụ hoạt động công nghiệp công nghệ số.

2.2. Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số thành một ngành kinh tế có đóng góp lớn cho kinh tế đất nước

Xây dựng chính sách đột phá nhằm thúc đẩy công nghiệp công nghệ số trở thành công nghiệp mũi nhọn, kịp thời nắm bắt xu thế phát triển công nghệ (như AI, vi mạch bán dẫn); thu hút, đón đầu làn sóng chuyển dịch đầu tư của các tập đoàn công nghệ lớn toàn cầu¹ vào Việt Nam.

Công nghiệp công nghệ số đã trở thành một trong những ngành kinh tế - kỹ thuật có quy mô lớn nhất, có tốc độ tăng trưởng nhanh, giai đoạn từ năm 2015 - 2023 tăng trưởng trung bình khoảng 11%/năm, đóng góp lớn cho GDP. Năm 2023, doanh thu công nghiệp CNTT ước đạt khoảng 138,5 tỷ USD (tăng 23% so với năm 2019 và 128% năm 2015) trong đó doanh thu xuất khẩu phần cứng, điện tử ước đạt khoảng 127 tỷ USD (tăng 45% so với năm 2019 và 155% so với năm 2015), giá trị xuất siêu phần cứng, điện tử đạt trên 30 tỷ USD, đóng góp cho GDP đạt 726.345 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 7% GDP; số lượng doanh nghiệp CNTT đang hoạt động ước đạt khoảng 45.500 doanh nghiệp; số lượng lao động trong các doanh nghiệp CNTT đang hoạt động ước đạt khoảng 1,45 triệu người.

2.3. Chuyển dịch các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam chủ yếu từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, tích hợp, sản xuất và làm chủ công nghệ lõi

Trong xu thế tất yếu của chuyển đổi số, việc tạo hành lang pháp lý để phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang thiết kế, sản xuất các sản phẩm công nghệ số, nền tảng số để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số là cần thiết nhằm bảo đảm chủ quyền số quốc gia.

2.4. Tạo thị trường cho công nghiệp công nghệ số và thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước

Dân số Việt Nam gần 100 triệu người, đứng thứ 15 thế giới, là thị trường lớn để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định biện pháp đột phá để phát triển thị trường trong nước cho doanh nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ số

¹ Trong thời gian qua hàng loạt tập đoàn công nghệ lớn đang bày tỏ mong muốn dịch chuyển đầu tư vào Việt Nam và đi kèm theo đó là sự quan tâm đến hành lang pháp lý, hỗ trợ ưu đãi đối với lĩnh vực công nghệ số như NVIDIA, Qualcomm, Apple, ...

vừa và nhỏ. Để công nghiệp công nghệ số phát triển nhanh đi đôi với phát triển bền vững, cần có chính sách thúc đẩy doanh nghiệp phát triển các sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định xác định và chính sách thúc đẩy phát triển sản phẩm công nghệ số thiết kế và sản xuất trong nước.

Để thể chế hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển công nghiệp công nghệ số; khắc phục những tồn tại, hạn chế cũng như tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện các cơ chế chính sách vượt trội, đột phá; huy động mọi nguồn lực phát triển hiệu quả tiềm năng phát triển ngành công nghiệp công nghệ số Việt Nam góp phần đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số - xã hội số tại Việt Nam; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia công nghiệp công nghệ số phát triển thì việc xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành ngành kinh tế đóng góp lớn vào kinh tế đất nước; tạo môi trường thuận lợi nhất để nuôi dưỡng và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số với trọng tâm là các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang sáng tạo, thiết kế, sản xuất tại Việt Nam; góp phần xây dựng chính phủ số, động lực phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Khẳng định giá trị pháp lý của công nghiệp công nghệ số; hình thành các quy định, chính sách để thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số. Luật Công nghiệp công nghệ số thay thế các nội dung về công nghiệp CNTT và dịch vụ CNTT trong Luật Công nghệ thông tin và bổ sung các quy định mới phù hợp với thực tiễn phát triển.

- Thúc đẩy thông minh hoá các ngành, lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số vào các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất trong các ngành, lĩnh vực để tối ưu hóa hiệu suất, hiệu quả, năng suất, khả năng tự động thích ứng với sự thay đổi của các ngành, lĩnh vực; có thể tạo ra những sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có giá trị gia tăng cao.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; khắc phục các hạn chế,

bất cập hiện nay; mặt khác cần quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đặc biệt cho các công nghệ số mới để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số.

Hai là, Luật Công nghiệp công nghệ số được xây dựng trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp của Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn thi hành về công nghiệp CNTT, đồng thời có sửa đổi, bổ sung các nội dung mới trên cơ sở tham khảo có chọn lọc pháp luật và kinh nghiệm quốc tế để vận dụng phù hợp với thực tiễn của Việt Nam nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp 4.0 và kinh tế số nói riêng.

Ba là, Luật Công nghiệp công nghệ số không làm thay đổi về trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành trong các lĩnh vực. Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số khi ứng dụng trong lĩnh vực thuộc bộ, ngành nào thì bộ, ngành đó chịu trách nhiệm quản lý đúng theo lĩnh vực đó.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh, cơ yếu.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2024 của Quốc hội và Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện các công việc theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học.

2. Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Luật Công nghệ thông tin về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và nghiên cứu, tham khảo pháp luật, chính sách về công nghệ số, công nghệ thông tin của một số quốc gia, vùng lãnh thổ.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về các nội dung sửa đổi, bổ sung của dự án Luật; các hoạt động khảo sát trong và ngoài nước, ...

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp ý đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

5. Ngày .../.../2024, Hội đồng thẩm định đã tiến hành thẩm định dự án Luật và cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Trên cơ sở đó, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật được xây dựng bám sát 2 nhóm chính sách (gồm 14 chính sách thành phần) đã Chính phủ thống nhất thông qua: (1) Hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; (2) Bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số. Cụ thể, bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Luật như sau:

1. Bố cục

Với phạm vi điều chỉnh như trên, bố cục của dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số gồm 06 chương, 71 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 06 điều: từ Điều 1 đến Điều 6);

Chương II. Hoạt động công nghiệp công nghệ số và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (gồm 05 điều: từ Điều 7 đến Điều 11);

Chương III. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số (gồm 14 mục, 34 điều: từ Điều 12 đến Điều 45);

Chương IV. Thúc đẩy, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số (gồm 05 mục, 25 điều: từ Điều 46 đến Điều 66);

Chương V. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số (gồm 02 điều: Điều 67 và Điều 68);

Chương VI. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều: từ Điều 69 đến Điều 71).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

2.1. Những quy định chung

Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; chính sách phát triển công nghiệp công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Trong đó:

- Phạm vi điều chỉnh của Luật này quy định về công nghiệp công nghệ số, bao gồm: hoạt động công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; bảo đảm phát triển công nghiệp công nghệ số; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến công nghiệp công nghệ số. Luật này không quy định về hoạt động sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh, cơ yếu.

- Giải thích các từ ngữ được sử dụng trong Luật Công nghiệp công nghệ số nhằm đảm bảo cách hiểu thống nhất, chẳng hạn như: công nghệ số, công nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, hội tụ công nghệ số, hệ thống trí tuệ nhân tạo, ... Đây là những khái niệm cơ bản để xác định phạm vi và các chính sách của Luật Công nghiệp công nghệ số. Cụ thể, trong dự thảo Luật Công nghiệp công nghệ số định nghĩa một số từ ngữ như sau:

“Công nghệ số bao gồm công nghệ thông tin và các công nghệ mới, nhưng không giới hạn bởi trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường để số hoá thế giới thực, thu thập, lưu trữ, truyền đưa, xử lý thông tin và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực.”

“Công nghiệp công nghệ số là công nghiệp nền tảng, là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao, tác động tới nhiều ngành, lĩnh vực.”

“Hội tụ công nghệ số là hoạt động đổi mới, sáng tạo, tạo ra giá trị mới bằng cách tích hợp, kết hợp, hợp nhất giữa các công nghệ số với nhau hoặc giữa công nghệ số với sản phẩm, dịch vụ của các ngành, lĩnh vực khác. Sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số được tạo ra từ hội tụ công nghệ số.”

“Hệ thống trí tuệ nhân tạo là sản phẩm công nghệ số mô phỏng trí thông minh của con người; sử dụng thông tin, dữ liệu số để tự động phân tích, suy luận, đưa ra các nội dung, dự báo, khuyến nghị, quyết định dựa trên tập hợp các mục tiêu do con người xác định.”

Đồng thời, trong Chương này cũng quy định về chính sách phát triển công

ng nghiệp công nghệ số; bảo đảm an toàn, an ninh trong hoạt động công nghiệp công nghệ số; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

2.2. Hoạt động công nghiệp công nghệ số

Chương này xác định các loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số; quy định quản lý về các sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, trọng yếu; tài sản số. Trong đó:

- Về loại hình hoạt động công nghiệp công nghệ số bao gồm sản xuất sản phẩm công nghệ số và cung cấp dịch vụ công nghệ số và chi tiết các loại hình này trong dự thảo Luật.

- Quy định về tài sản số: đây là nội dung mới trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp trong quá trình lập đề nghị xây dựng Luật, Bộ TTTT đã đề xuất đưa ra khái niệm tài sản số với nội hàm là một loại sản phẩm công nghệ số và dự kiến giao một số bộ, ngành liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định quản lý liên quan đến tài sản số trong ngành, lĩnh vực của mình phụ trách.

- Quy định quản lý về sản phẩm công nghệ số sản xuất trong nước; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng yếu.

2.3. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về (1) phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số; (2) hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp công nghệ số; (3) quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; (4) thông minh hoá các ngành, lĩnh vực; (5) tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số; (6) nguồn nhân lực công nghệ số; (7) hợp tác quốc tế; (8) khu công nghệ số; (9) phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số; (10) thông tin về công nghiệp công nghệ số; (11) ủy ban thúc đẩy công nghiệp công nghệ số quốc gia. Trong đó:

- Phát triển thị trường công nghiệp công nghệ số quy định các hoạt động cụ thể và xây dựng, triển khai chương trình tổng thể phát triển công nghiệp công nghệ số theo giai đoạn 5 năm và hằng năm, trong đó đề ra các nội dung trọng tâm, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai chương trình một cách hiệu quả.

- Hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp công nghệ số quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ: phát triển doanh nghiệp; hoạt động công nghiệp công nghệ số; dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số có tính chất đặc biệt, quy mô lớn; chính sách tín dụng và tài chính cho doanh nghiệp, công nghiệp công nghệ số. Trong đó, một số ưu đãi nổi bật như:

+ Sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Luật Thuế xuất

khẩu, thuế nhập khẩu; pháp luật về đất đai; pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số có tính chất đặc biệt, quy mô lớn như: Dự án đầu tư xây dựng trung tâm lưu trữ và xử lý dữ liệu; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao trong lĩnh vực công nghệ số, công nghệ trí tuệ nhân tạo; dự án đầu tư công nghiệp bán dẫn; sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, trọng yếu có quy mô vốn đầu tư được xác định.

- Quản lý, khai thác dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số gồm các nội dung: Quản lý, thúc đẩy về dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; Phi cá nhân hóa dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số; Bảo đảm chất lượng dữ liệu số trong công nghiệp công nghệ số. Trong đó xác định dữ liệu số là nguồn nguyên liệu quan trọng của ngành công nghiệp công nghệ số do đó cần đảm bảo chất lượng và tạo nguồn dữ liệu số phong phú cho ngành công nghiệp công nghệ số thông qua chính sách, quy định về phi cá nhân hóa dữ liệu.

- Thông minh hoá các ngành lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số bao gồm các quy định về: thông minh hoá các ngành, lĩnh vực thông qua hội tụ công nghệ số vào các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất trong các ngành, lĩnh vực để tối ưu hóa hiệu suất, hiệu quả, năng suất, khả năng tự động thích ứng với sự thay đổi của các ngành, lĩnh vực; có thể tạo ra những sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới có giá trị gia tăng cao; bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm xây dựng chương trình 05 năm và kế hoạch hành động hằng năm thực hiện thúc đẩy thông minh hóa ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách, phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Thúc đẩy tiêu chuẩn hóa và chứng nhận cho công nghiệp công nghệ số quy định về thúc đẩy tiêu chuẩn hóa trong hoạt động công nghiệp công nghệ số và nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Nguồn nhân lực công nghệ số gồm các nội dung: phát triển nguồn nhân lực công nghệ số; phát triển cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ số; thu hút nhân lực công nghệ số chất lượng cao; phát triển nguồn nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp. Trong đó, nổi bật là chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia nước ngoài và thu hút nhân tài hàng đầu thế giới trong lĩnh vực; khung kỹ năng công nghệ số là hệ thống hóa những kỹ năng cần thiết cho nhân lực công nghệ số chuyên nghiệp; xây dựng mạng lưới cơ sở cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc lĩnh vực công nghệ số; ưu tiên đầu tư, xây dựng một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có ngành đào tạo công nghệ số đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Hợp tác quốc tế về công nghiệp công nghệ số gồm các quy định: nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế trong công nghiệp công nghệ số; phát triển mạng lưới đại diện công nghiệp công nghệ số Việt Nam ở nước ngoài.

- Khu công nghệ số: kế thừa phát triển các quy định đã được thực hiện tốt về khu công nghệ thông tin tập trung tại Luật Công nghệ thông tin 2006 và Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung. Đồng thời, Luật cũng hoàn thiện quy định về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ số nhằm giải quyết bất cập hiện nay về đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung; chính sách ưu đãi với khu công nghệ số.

- Phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số gồm: phát triển bền vững trong công nghiệp công nghệ số; phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thân thiện môi trường; tái sử dụng, tái chế, tái sản xuất, tân trang, sửa chữa và chia sẻ nhằm tạo ra các vòng lặp kín cho tài nguyên sử dụng trong hoạt động công nghiệp công nghệ số.

- Thông tin về công nghiệp công nghệ số gồm các quy định về xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia, cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ số. Trong đó, ngoài phục vụ chức năng quản lý nhà nước, Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số còn cho phép tổ chức, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Ủy ban thúc đẩy công nghiệp công nghệ số quốc gia là một cơ chế phối hợp liên ngành làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không hình thành tổ chức mới, giúp việc Thủ tướng Chính phủ; có chức năng nghiên cứu, tư vấn, khuyến nghị, đề xuất phương hướng, giải pháp để giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành trong công nghiệp công nghệ số; chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức liên quan trong việc giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành liên quan đến công nghiệp công nghệ số.

2.4. Thúc đẩy, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

Chương này quy định về hoạt động nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; chính sách thúc đẩy công nghiệp bán dẫn; quản lý và phát triển trí tuệ nhân tạo.

- Về nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, tập trung vào xây dựng và phát triển các viện, trung tâm nghiên cứu công nghệ số và hình thành Chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ số theo từng thời kỳ sử dụng nguồn ngân sách khoa học công nghệ.

- Về cơ chế thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: đây là một trong

những chính sách đột phá trong dự thảo Luật. Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới đã ban hành luật quy định về vấn đề này như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, ... Việc xây dựng quy định này nhằm đáp ứng kịp thời sự phát triển, hội tụ rất nhanh của công nghệ số, tạo hành lang pháp lý để thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ hội tụ công nghệ số mà chưa có quy định pháp lý điều chỉnh hoặc pháp luật có quy định khác. Cơ chế thử nghiệm sẽ hình thành quy trình, nguyên tắc xét duyệt hồ sơ đề nghị thử nghiệm của doanh nghiệp và quy định rõ đầu mối tiếp nhận xử lý, quyết định cho phép thử nghiệm là các bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

- Về quy định phát triển công nghiệp bán dẫn: đây là một nội dung rất quan trọng trong bối cảnh công nghiệp bán dẫn trở thành ngành công nghiệp chủ chốt có vai trò ảnh hưởng đến sự phát triển về kinh tế, xã hội; đồng thời nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn đón đầu làn sóng dịch chuyển đầu tư khi rất nhiều tập đoàn toàn cầu lớn quan tâm đầu tư vào Việt Nam.

- Về chính sách thúc đẩy và quản lý trí tuệ nhân tạo (AI): trong bối cảnh AI được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội thì việc quản lý nhằm hạn chế những rủi ro, đồng thời tận dụng tốt những lợi ích mà AI mang lại. Luật quy định Hệ thống trí tuệ nhân tạo là sản phẩm công nghệ số mô phỏng trí thông minh của con người; sử dụng thông tin, dữ liệu số để tự động phân tích, suy luận, đưa ra các nội dung, dự báo, khuyến nghị, quyết định dựa trên tập hợp các mục tiêu do con người xác định. Đồng thời, Luật quy định nguyên tắc sản xuất, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống AI; quy định quản lý rủi ro đối với hệ thống AI, ... trên sở tham khảo Đạo luật AI của Liên minh Châu Âu. Bên cạnh đó, Luật cũng quy định dán nhãn nhận dạng đối với sản phẩm công nghệ số tạo ra bởi AI theo kinh nghiệm của Trung Quốc.

2.5. Quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số

Chương này quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số trên cơ sở kế thừa các nội dung về quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin tại Luật Công nghệ thông tin. Theo hướng, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước và phân rõ vai trò chủ trì, phối hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông và trách nhiệm các bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số.

2.6. Điều khoản thi hành

Chương này quy định về hiệu lực và quy định chuyển tiếp, thay thế các quy định có hiện hành có liên quan tại Luật Công nghệ thông tin và các văn bản quy

phạm pháp luật khác. Đồng thời, theo kết quả rà soát, dự thảo Luật cũng đề xuất sửa đổi một số điều, khoản, điểm trong các Luật có liên quan (Luật Công nghệ thông tin, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch, ...).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT, nay là công nghiệp công nghệ số, đã được tổ chức thực hiện chuyên nghiệp, bài bản kể từ khi Luật Công nghệ thông tin có hiệu lực từ năm 2006, các cơ quan quản lý nhà nước đều có bố trí cán bộ, kinh phí cho công tác này và đã có kinh nghiệm tổ chức thực hiện. Vì vậy, nguồn lực dự kiến cho việc thực hiện Luật Công nghiệp công nghệ số không phát sinh lớn.

- Về nhân lực: Cơ bản không phát sinh so với hiện hành. Đối với Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật và không làm phát sinh thêm tổ chức mới mà chỉ trên cơ sở các đơn vị đã có kiện toàn lại trong nhiệm kỳ mới và đội ngũ cán bộ sẵn có để tổ chức thực thi các nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao trong Luật. Đối với địa phương, các Sở Thông tin và Truyền thông cũng sẽ bảo đảm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số tại địa phương, kế thừa chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp CNTT hiện tại.

- Về xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản được giao trong Luật bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Về tuyên truyền, phổ biến, đào tạo nội dung của Luật: Các Bộ, ngành liên quan và các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân và tập huấn cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số hiểu biết đầy đủ về các quy định của Luật để thực hiện kịp thời.

- Về triển khai thi hành Luật khi có hiệu lực thi hành: Các Bộ, ngành liên quan và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện và theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Công nghiệp công nghệ số, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Hồ sơ dự án Luật kèm theo gồm có:

1. Dự thảo Luật.
2. Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
3. Báo cáo rà soát các văn bản pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan.
4. Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật.
5. Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật.
6. Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; bản chụp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.
7. Tài liệu khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (03).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng